

Trung ương; Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Phó Thống đốc

Vũ Thị Liên

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1325/2004/QĐ-NHNN ngày 15/10/2004 về việc ban hành Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Phó Thống đốc

Phùng Khắc Kế

QUY CHẾ chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đối với khách hàng

(ban hành kèm theo Quyết định số 1325/2004/QĐ-NHNN ngày 15/10/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc chiết khấu các giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng và việc tái chiết khấu giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng với nhau.

Quy chế này không quy định việc chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động và được thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng. Trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá bằng ngoại tệ, các tổ chức tín dụng phải được phép hoạt động ngoại hối.

2. Khách hàng chiết khấu giấy tờ có giá tại tổ chức tín dụng là chủ sở hữu giấy tờ có giá, bao gồm: Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức tín dụng.

3. Khách hàng tái chiết khấu giấy tờ có giá tại các tổ chức tín dụng là tổ chức tín dụng sở hữu giấy tờ có giá đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chiết khấu* là việc tổ chức tín dụng mua giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán của khách hàng.

2. *Tái chiết khấu* là việc tổ chức tín dụng mua lại giấy tờ có giá chưa đến

hạn thanh toán và đã được chiết khấu theo phương thức mua hẳn.

3. *Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá* là khoảng thời gian tính từ ngày giấy tờ có giá được tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu đến ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá đó.

4. *Thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu* là khoảng thời gian tính từ ngày giấy tờ có giá được tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu đến ngày khách hàng có nghĩa vụ thực hiện cam kết mua lại giấy tờ có giá đó.

5. *Giá chiết khấu, tái chiết khấu* là số tiền mà tổ chức tín dụng chi trả cho khách hàng khi thực hiện chiết khấu, tái chiết khấu.

Điều 4. Nguyên tắc chiết khấu, tái chiết khấu

Việc chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng đối với khách hàng phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

1. Thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng với khách hàng mà các thỏa thuận đó phù hợp với quy định tại Quy chế này, các quy định của pháp luật có liên quan và thông lệ quốc tế;

2. Tổ chức tín dụng thu hồi đầy đủ, đúng hạn số tiền đã chiết khấu, tái chiết khấu và lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá và thực hiện đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ bảo đảm an toàn;

3. Đối với giấy tờ có giá có mệnh giá ghi bằng ngoại tệ, việc chiết khấu, tái

chiết khấu phải phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 5. Loại giấy tờ có giá được chiết khấu, tái chiết khấu

Các loại giấy tờ có giá được tổ chức tín dụng lựa chọn chiết khấu, tái chiết khấu bao gồm:

1. Các giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng phát hành theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước phát hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Các loại trái phiếu được phát hành theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, bao gồm: Tín phiếu kho bạc; Trái phiếu kho bạc; Trái phiếu công trình trung ương; Trái phiếu đầu tư; Trái phiếu ngoại tệ; Công trái xây dựng Tổ quốc; Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái phiếu Chính quyền địa phương.

4. Các tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu, tái chiết khấu theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều kiện giấy tờ có giá được nhận chiết khấu, tái chiết khấu

Giấy tờ có giá được các tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của khách hàng;

2. Chưa đến hạn thanh toán;

3. Được phép giao dịch (mua, bán, tặng cho, chuyển đổi, chuyển nhượng, cầm cố, bảo lãnh và các giao dịch hợp pháp khác);

4. Được thanh toán theo quy định của tổ chức phát hành.

Điều 7. Đồng tiền chiết khấu, tái chiết khấu

1. Đối với giấy tờ có giá có mệnh giá ghi bằng Đồng Việt Nam, các tổ chức tín dụng thực hiện chiết khấu, tái chiết khấu bằng Đồng Việt Nam.

2. Đối với giấy tờ có giá có mệnh giá ghi bằng ngoại tệ, các tổ chức tín dụng thực hiện chiết khấu, tái chiết khấu như sau:

a) Giấy tờ có giá có mệnh giá ghi bằng ngoại tệ nào, thì chiết khấu, tái chiết khấu bằng ngoại tệ đó;

b) Trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu bằng Đồng Việt Nam thì do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá hối đoái đối với tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối.

Điều 8. Phương thức chiết khấu, tái chiết khấu

Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận, lựa chọn các phương thức chiết khấu, tái chiết khấu sau đây:

1. Chiết khấu, tái chiết khấu toàn bộ thời hạn còn lại của giấy tờ có giá là phương thức mua hẳn giấy tờ có giá theo giá chiết khấu, tái chiết khấu và khách hàng chuyển giao ngay quyền sở hữu

giấy tờ có giá đó cho tổ chức tín dụng. Khi giấy tờ có giá đó đến hạn thanh toán, tổ chức tín dụng xuất trình giấy tờ có giá để thanh toán với tổ chức phát hành.

2. Chiết khấu, tái chiết khấu có thời hạn:

a) Các tổ chức tín dụng mua giấy tờ có giá theo thời hạn và giá chiết khấu, tái chiết khấu, đồng thời kèm theo cam kết của khách hàng về việc mua lại giấy tờ có giá đó vào ngày đến hạn chiết khấu, tái chiết khấu.

b) Trường hợp hết thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu mà khách hàng không thực hiện việc mua lại giấy tờ có giá, thì tổ chức tín dụng là chủ sở hữu hợp pháp và được hưởng toàn bộ quyền lợi phát sinh từ giấy tờ có giá đó.

Điều 9. Thời hạn, giá và lãi suất chiết khấu, tái chiết khấu

1. Thời hạn chiết khấu, tái chiết khấu do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận, nhưng thời hạn này không vượt quá thời hạn còn lại của giấy tờ có giá.

2. Giá chiết khấu, tái chiết khấu do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này. Các yếu tố chủ yếu để xem xét thỏa thuận giá chiết khấu, tái chiết khấu là giá trị giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán, lãi suất chiết khấu, lãi suất tái chiết khấu và thời hạn còn lại của giấy tờ có giá.

3. Lãi suất chiết khấu, lãi suất tái chiết khấu do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận.

Điều 10. Mức chiết khấu, tái chiết khấu đối với một khách hàng

Mức chiết khấu, tái chiết khấu đối với một khách hàng tối đa bằng 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thì mức chiết khấu, tái chiết khấu đối với một khách hàng tối đa bằng 15% vốn tự có của ngân hàng mẹ.

Điều 11. Thủ tục chiết khấu, tái chiết khấu

1. Khi có nhu cầu chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá, khách hàng gửi giấy đề nghị chiết khấu, tái chiết khấu và giấy tờ có giá cho tổ chức tín dụng. Khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ có giá chiết khấu, tái chiết khấu tại tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng thẩm định các điều kiện giấy tờ có giá được chiết khấu, tái chiết khấu. Trường hợp cần thiết, tổ chức tín dụng có thể yêu cầu khách hàng gửi giấy tờ chứng minh về điều kiện chiết khấu, tái chiết khấu quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Khi tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu, khách hàng chuyển giao ngay giấy tờ có giá, đồng thời làm thủ tục chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá cho tổ chức tín dụng:

a) Đối với giấy tờ có giá phát hành dưới hình thức chứng chỉ không ghi tên, khách hàng trực tiếp giao giấy tờ có giá cho tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu.

b) Đối với giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ có ghi tên, khách hàng giao chứng chỉ, đồng thời làm thủ tục chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá đó cho tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu theo quy định của pháp luật và tổ chức phát hành.

c) Đối với giấy tờ có giá phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ, khách hàng giao giấy chứng nhận quyền sở hữu, đồng thời làm thủ tục chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá đó cho tổ chức tín dụng nhận chiết khấu, tái chiết khấu theo quy định của pháp luật và tổ chức phát hành.

d) Đối với giấy tờ có giá được lưu ký tại các tổ chức được phép thực hiện lưu ký theo quy định của pháp luật, thì tổ chức tín dụng và khách hàng có thể ủy quyền cho tổ chức lưu ký làm thủ tục chuyển giao giấy tờ có giá và quyền sở hữu giấy tờ có giá từ khách hàng sang cho tổ chức tín dụng.

4. Các thỏa thuận về việc chiết khấu, tái chiết khấu giữa tổ chức tín dụng và khách hàng phải được lập thành văn bản. Văn bản thỏa thuận về việc chiết khấu, tái chiết khấu phải có các nội dung phù hợp với quy định của Quy chế này, các quy định của pháp luật khác có liên quan và hợp đồng mẫu do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam ban hành.

5. Trường hợp chiết khấu, tái chiết khấu có thời hạn, khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ cam kết mua lại giấy tờ có giá, tổ chức tín dụng chuyển giao giấy tờ có giá và quyền sở hữu giấy tờ có giá cho khách hàng như quy trình chuyển giao quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 12. Phân loại, trích dự phòng và xử lý rủi ro đối với số tiền chiết khấu, tái chiết khấu

Tổ chức tín dụng thực hiện việc phân loại, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với số tiền chiết khấu, tái chiết khấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản "Cố", trích lập dự phòng và xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện phạt bồi thường thiệt hại, quyền truy đòi, khiếu nại, khởi kiện đối với bên vi phạm, nếu các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức tín dụng và khách hàng có nhu cầu chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá tại tổ chức tín dụng có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Căn cứ Quy chế này, các quy định của pháp luật có liên quan và thông lệ quốc tế, các tổ chức tín dụng ban hành quy trình thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá phù hợp với điều kiện, đặc điểm và điều lệ của mình.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Phó Thống đốc

Phùng Khắc Kế